

ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH THEO HƯỚNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TS. Trịnh Thùy Anh¹

ThS. Trần Việt Hùng²

CN. Nguyễn Thị Thủy³

TÓM TẮT

Bài viết nhằm phân tích, đánh giá chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh so với các chương trình đào tạo của các Trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh, và một số nước trên thế giới. Việc tổ chức lấy ý kiến sinh viên về chương trình đào tạo cũng được tiến hành tại một số trường tại thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp đổi mới chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh cho Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm các giải pháp thiết kế xây dựng chương trình đào tạo cũng như điều kiện để tổ chức và áp dụng thành công chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh. Phương pháp mô tả, điều tra, phân tích, tổng hợp, so sánh được sử dụng trong nghiên cứu, kết hợp với việc tổ chức các hội thảo lấy ý kiến chuyên gia nhằm đạt được các mục tiêu đặt ra.

Từ khóa: Chương trình đào tạo (CTĐT), Quản trị kinh doanh (QTKD), đại học (ĐH)

ABSTRACT

This paper aims to analyse and evaluate the business administration curriculum of the Hochiminh City Open University in comparasion with its of other universities in Ho Chi Minh City and some countries in the world. Student opinion - based survey of curriculum evaluation was implemented in some universities of Ho Chi Minh City. Based on that, some solutions to improve business administration curriculum in terms of designing and organizing were proposed. The method of description, survey, analysis, synthesization and comparison were used in this study to obtain the aim of the study.

Key words: curriculum, business administration, higher education.

GIỚI THIỆU

Chất lượng đào tạo Đại học hiện đang là vấn đề được nhiều chuyên gia bàn luận. Trong đó CTĐT có thể coi là một trong các yếu tố chủ chốt tạo nên chất lượng đào tạo Đại học. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành phân tích, đánh giá CTĐT ngành QTKD của Trường ĐH Mở TP.HCM với mong muốn tìm ra một số giải pháp cải thiện chất lượng đào tạo tại trường.

Năm yếu tố cơ bản cấu thành nên CTĐT bao gồm: mục tiêu chương trình, nội dung chương trình, tổ chức triển khai chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả. Trong nghiên cứu này, chúng tôi chọn các tiêu chuẩn đánh giá CTĐT như sau: (1) Mục đích và mục tiêu; (2) Thiết kế chương trình; (3) Cấu trúc chương trình; (4) Nội dung chương trình; (5) Tổ

¹Phó trưởng Ban ĐHCĐTĐTB, Trường Đại học Mở TP.HCM

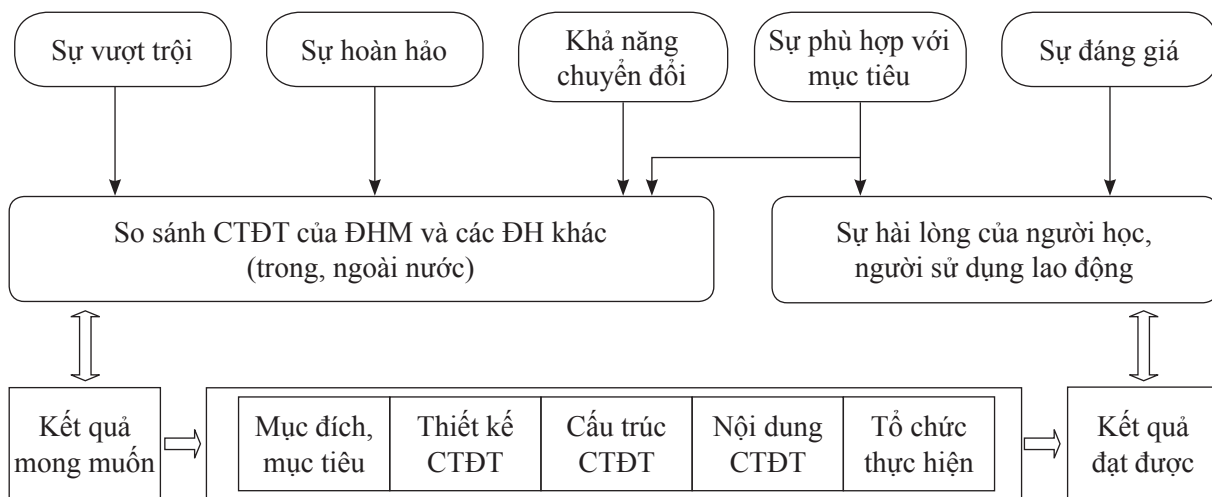
²Giảng viên cơ hữu Khoa QTKD, Trường Đại học Mở TP.HCM

³Giảng viên cơ hữu Khoa QTKD, Trường Đại học Mở TP.HCM

chức thực hiện chương trình. Theo quan điểm của nhóm, khi đánh giá CTĐT nên tập trung xem xét: (1) sự hài lòng của các bên liên quan, cụ thể là sinh viên, giảng viên, nhà quản lý giáo dục; và (2) đối sánh

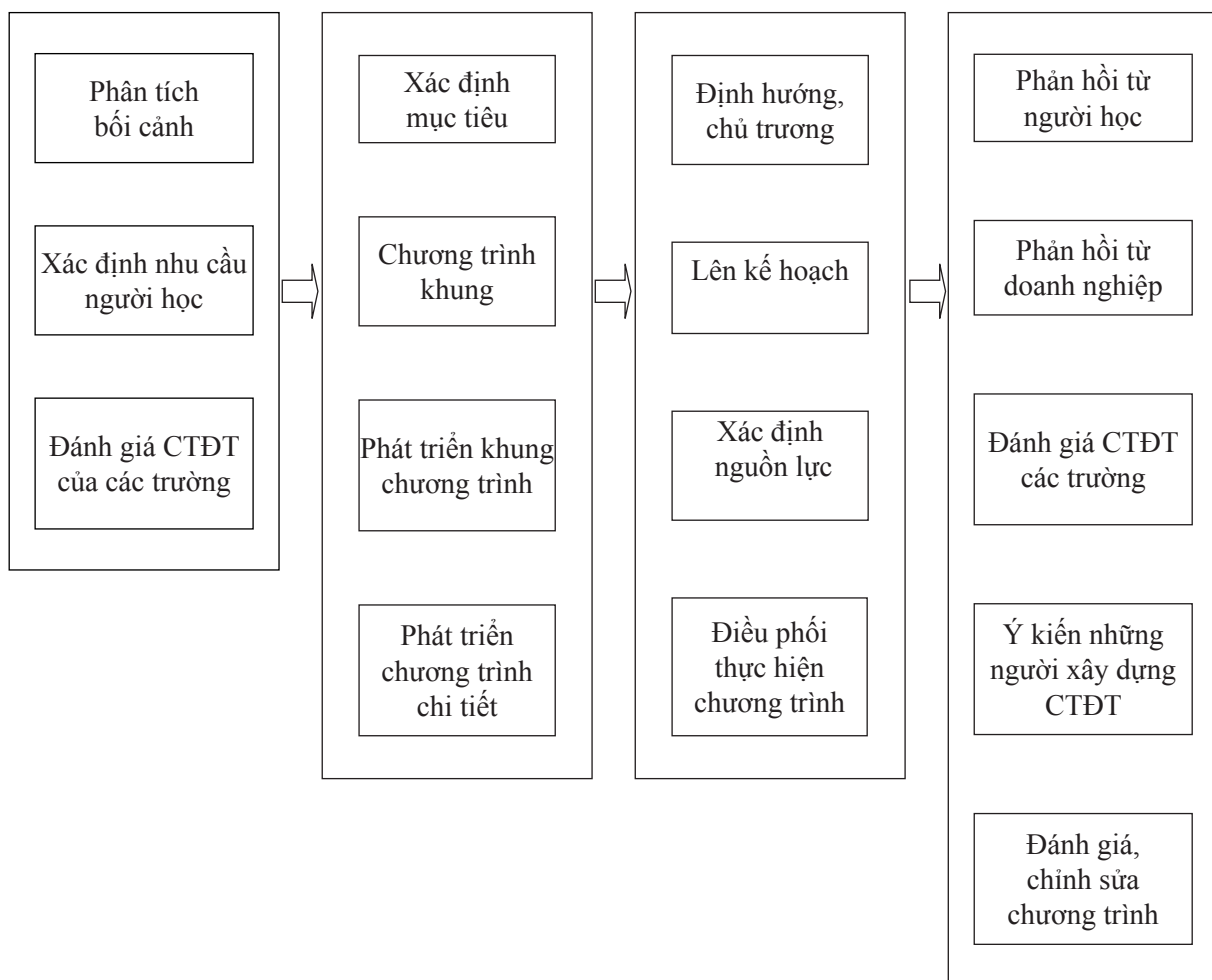
quốc gia, quốc tế. Hình 1 thể hiện chi tiết các tiêu chuẩn đánh giá CTĐT mà nhóm lựa chọn để xem xét đánh giá CTĐT ngành QTKD của trường ĐH Mở TP.HCM.

Hình 1: Mô hình các tiêu chuẩn đánh giá CTĐT ngành QTKD trường ĐH Mở TP.HCM



Quá trình thực hiện nghiên cứu được mô tả trong hình 2 như sau.

Hình 2. Quá trình nghiên cứu



1. SO SÁNH CTĐT NGÀNH QTKD CỦA TRƯỜNG ĐH MỞ TP.HCM VỚI CÁC TRƯỜNG KHÁC

Nhóm thực hiện đề tài tiến hành nghiên cứu CTĐT của 27 Trường ĐH⁴ có đào tạo về QTKD trên địa bàn TP.HCM, để từ đó so sánh với CTĐT của Trường ĐH Mở TP.HCM.

Về mục tiêu, đa số các trường ĐH tại khu vực TP. HCM đều xác định mục tiêu của CTĐT (89%), tuy nhiên một số trường (33%) xác định rõ những kiến thức, thái độ, kỹ năng mà sinh viên đạt được sau khi tốt nghiệp, định rõ hướng nghề nghiệp phù hợp cho sinh viên, phần lớn các trường khác (67%) chỉ nêu mục tiêu một cách chung chung, không đầy đủ.

Về thiết kế, khối lượng kiến thức toàn khóa của các chương trình trong khoảng 120 – 140 tín chỉ, thời gian học chủ yếu là 4 năm với 8 học kỳ. Khối kiến thức giáo dục đại cương của các trường nhìn chung giống nhau. Một số trường có đưa 1 – 2 môn chọn trong khối kiến thức này. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm khối kiến thức cơ sở khối ngành tương đối giống nhau ở các trường. Khối kiến thức ngành và chuyên ngành của một số trường hướng trọng tâm theo một lĩnh vực nào đó, thường là tài chính, hoặc marketing.

Nội dung chương trình còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn, thiếu sự linh hoạt, đề cương môn học chưa đầy đủ, chương trình của các trường không có sự khác biệt nhiều. Một số khác biệt có thể nhận ra giữa các CTĐT: một số chương trình không bao phủ kiến thức theo chiều rộng mà có xu hướng đi sâu trong một số lĩnh vực.

Cách bố trí chương trình học ở một số trường là sắp xếp cố định theo các học kỳ, trong khi đó một số trường khác linh hoạt hơn khi cho phép sinh viên học các môn thuộc khối kiến thức cơ sở, ngành và chuyên ngành đan xen nhau trong các học kỳ.

Đội ngũ giảng viên QTKD tại các trường còn yếu về trình độ và thiếu về số lượng. Mặc dù ngành học QTKD là một trong những ngành học được đổi mới nhiều nhất hiện nay, tuy nhiên vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, phương pháp giảng dạy – học tập chưa lấy sinh viên làm trung tâm. Cơ sở vật chất phục vụ ngành QTKD đòi hỏi sự đầu tư không lớn so với các ngành khác như kỹ thuật, tuy nhiên ở nhiều Trường ĐH chưa trang bị đầy đủ thiết bị giảng dạy hiện đại như máy overhead hay máy computer projector.

2. KHẢO SÁT SINH VIÊN VỀ CTĐT NGÀNH QTKD CỦA MỘT SỐ TRƯỜNG

Nhóm nghiên cứu tiến hành điều tra lấy ý kiến đánh giá cũng như mong muốn của gần 1000 sinh viên ở 9 trường ĐH⁵ tại thành phố Hồ Chí Minh về CTĐT ngành QTKD. Từ đó nhóm tổng hợp số liệu để phân tích ý kiến của sinh viên đánh giá về CTĐT ngành QTKD của trường ĐH Mở TP.HCM so với 8 trường khác cũng ở thành phố này.

Về việc thiết kế chương trình, đa số sinh viên cho rằng mục tiêu của CTĐT QTKD là tốt (61%), nội dung chương trình là trung bình (60%), chương trình có tính thực tiễn ở mức trung bình (58%), việc đánh giá kết quả học tập hiện nay ở mức bình thường (66%).

⁴Các trường: ĐH RMIT, ĐH Kinh tế tp Hồ Chí Minh, ĐH Kinh tế - Luật (ĐH Quốc gia), ĐH Bách Khoa TP.HCM, ĐH Quốc tế (ĐH Quốc gia tp HCM), ĐH Ngoại thương (CS 2), ĐH Mở TP.HCM, ĐH Ngân hàng, ĐH Luật TP.HCM, ĐH Kinh tế - Tài chính, ĐH Tài chính – Marketing, ĐH Ngoại ngữ - Tin học tp HCM, ĐH Công nghiệp TP.HCM, ĐH Kỹ thuật Công nghệ, ĐH Tôn Đức Thắng, ĐH Hoa Sen, ĐH Quốc tế Sài Gòn, ĐH Sài Gòn, ĐH Công nghệ Sài Gòn, ĐH Quốc tế Hồng Bàng, ĐH Văn Hiến, ĐH dân lập Văn Lang, ĐH Lao động Xã hội (CS2), Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, ĐH Gia Định, ĐH GTVT (CS2), ĐH Hùng Vương.

⁵Bao gồm: Trường ĐH Mở TP.HCM, Trường ĐH Ngân hàng, Trường ĐH Kinh tế - Luật (ĐH quốc gia), Trường ĐH Tài chính Marketing, Trường ĐH Công nghiệp, Trường ĐH Bách khoa TP.HCM, Trường ĐH Sài Gòn, Trường ĐH Kinh tế TP.HCM, Trường ĐH Tôn Đức Thắng

Về tổ chức thực hiện chương trình, đa số sinh viên đánh giá trình độ và kinh nghiệm của giảng viên tốt (70%), nhưng mức độ nhiệt tình không cao lắm (58%); phương pháp giảng dạy được số ít đánh giá là tốt (33%); tài liệu học tập chưa đạt được sự hài lòng của đa số sinh viên (60%); cơ sở vật chất là thấp dưới mức mong đợi của người học (66%).

Đối với chương trình học, hơn 80% sinh viên mong muốn tăng tính thực tiễn thông qua các báo cáo chuyên đề từ doanh nghiệp; gần 65% sinh viên mong muốn chương trình học cập nhật với nội dung chương trình quốc tế. 68% sinh viên muốn tham quan các hoạt động thực tế bên ngoài và 62% sinh viên muốn học bởi các nhà quản trị bên ngoài, và 52% là cho giảng dạy từ các tình huống thực tế.

Đối với giảng viên, đa số sinh viên xem trọng việc giảng bài hay hơn là bằng cấp, sinh viên đánh giá cao sự nhiệt tình của giảng viên hơn là so với trình độ chuyên môn. Yếu tố tuổi tác không ảnh hưởng đáng kể đến sự ưa thích của sinh viên

3. SO SÁNH CTĐT NGÀNH QTKD CỦA TRƯỜNG ĐH MỞ TP.HCM VỚI CÁC TRƯỜNG TRÊN THẾ GIỚI

So sánh với các trường ở Úc

Quan điểm đào tạo của các trường ĐH ở Úc⁶ là đào tạo rộng, CTĐT được thiết kế tạo sự linh động tối đa cho sinh viên, CTĐT được thiết kế gắn liền với thực tế.

Mục tiêu của CTĐT của các trường ĐH ở Úc là cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết rộng về kinh tế, chính trị và xã hội, các kỹ năng chuyên môn liên quan đến lĩnh vực kinh doanh, khả năng suy nghĩ vượt ra

khỏi các khuôn khổ chuyên môn.

Cấu trúc chương trình QTKD của các trường này bao gồm: 1/3 khối lượng cho các môn học nền tảng, 1/3 khối lượng cho các môn thuộc lĩnh vực đào tạo, và 1/3 khối lượng các môn chọn tự do từ ngành đào tạo và các khoa khác, ngành khác trong trường. Cách thiết kế như vậy cho thấy sự linh hoạt rất cao, ngoài tỉ lệ môn học tự chọn cao, thì chương trình còn thể hiện tính kết nối giữa các ngành học của các khoa trong một Trường ĐH, có sự linh hoạt chuyển đổi giữa các chuyên ngành, có xu hướng kết hợp nhiều chuyên ngành trong một văn bằng, và kết hợp với các hiệp hội nghề nghiệp chứng nhận bằng cấp.

Chương trình Đại học của Úc kéo dài trong 3 năm, một năm học thông thường có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ hè. Học kỳ chính có 13 tuần học trên lớp và 4 tuần thi, sinh viên đăng ký tối đa 4 môn. Học kỳ hè có 6 tuần học và 4 tuần thi, sinh viên đăng ký 2 môn. Các môn học thường được tổ chức với hình thức giảng lý thuyết trên lớp với giáo sư và lớp phụ đạo với trợ giảng. Lớp học lý thuyết có thể đông tới 300 sinh viên, còn lớp phụ đạo khoảng 20 sinh viên. Sinh viên được đánh giá theo toàn bộ quá trình chứ không phải chỉ đánh giá kết quả cuối kỳ.

So sánh với các trường châu Âu

Về quan điểm đào tạo, trong khi CTĐT của hai trường ĐH hàng đầu của Nga ở Đông Âu tập trung vào học thuật thì đa số các trường ở Tây Âu đề cao yếu tố thực tiễn và kinh nghiệm thông qua thực tập học kỳ hè ở công ty, và học tập ở nước ngoài một học kỳ hoặc một năm.

Mục tiêu của các CTĐT ở châu Âu⁷

⁶Các trường: University of Melbourne, University of New South Wales, University of Sydney, Australian National University, Monash University

⁷Các trường: Lomonosov Moscow State University, Saint-Peterburg State University, University of Birmingham, University of Cambridge, University of Oxford, University College London, University of Nottingham, Maastrich University, WHU, Universidad Carlos III de Madrid

nhìn chung là cung cấp nền tảng lý thuyết rộng về kinh tế và quản lý; chú trọng đào tạo kỹ năng, yếu tố thực hành và kinh nghiệm; kích thích phát triển tư duy sáng tạo và khả năng tự học của sinh viên.

Về cấu trúc, chương trình thường được chia thành 2 khối kiến thức bắt buộc và tự chọn. Các môn bắt buộc là các môn học cần thiết liên quan đến ngành nghề đào tạo. Các môn chọn gồm các môn sinh viên được tự chọn thuộc ngành đào tạo, các môn được chọn ở các khoa khác, ngành khác. Ở các trường danh tiếng trên thế giới như Oxford, Cambridge hay UCL, sinh viên học rất ít môn. Ngoài ra, các chương trình đều có chương trình Internship trong các năm học, nhằm giúp sinh viên tìm hiểu các vấn đề thực tiễn; nâng cao kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh doanh, quản lý; phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc hợp tác; phát triển nhận thức về trách nhiệm của nhà quản trị đối với các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường.

Chương trình được thiết kế khá linh hoạt như: kết hợp nhiều ngành học trong một văn bằng (QTKD + ngành đào tạo khác như nghiên cứu về Đông Âu, ngôn ngữ...), đảm bảo tính liên thông giữa các CTĐT: học thêm 1 năm để lấy bằng đại học thứ hai, hoặc 1 năm làm việc ở công ty... Tỷ lệ các môn tự chọn cao, chiếm 1/4 đến 1/2 tổng khối lượng kiến thức toàn khóa.

Hai Trường Đại học ở Nga và Trường Đại học ở Tây Ban Nha thời gian học là 4 năm, các trường còn lại trong nhóm khảo sát là 3 năm. Tuy nhiên ở các trường cũng đưa ra nhiều lựa chọn cho sinh viên có thể tốt nghiệp 4 năm, như có một năm ở nước ngoài hay 1 năm làm việc ở công ty rồi quay về trường tiếp tục học. Cách tính số tín chỉ của các trường rất đa dạng và khác biệt nhau. Có trường

tính khối lượng học một năm là 60 tín chỉ, có trường tính 120 hay 130.

Phương pháp giảng dạy là sự kết hợp của nghe giảng lý thuyết, seminars, làm dự án, phụ đạo, khảo sát thực tế, workshop. Các phương pháp đánh giá cũng rất đa dạng. Các vấn đề khác như tài liệu học, thư viện, cơ sở hạ tầng... là rất tốt, tương tự như các trường ĐH ở Úc.

So sánh với các trường ở Mỹ

CTĐT ngành QTKD ở Mỹ⁸ mang tính tổng quát cao, chú trọng đến việc cung cấp cho người học nền tảng khoa học quản trị, hơn là đi sâu trong một lĩnh vực hẹp. Nhìn chung 5 trường đại học được nhóm chọn khảo sát ở Mỹ đều có nhiều quan điểm giống nhau, nhấn mạnh tính tự chọn môn học của sinh viên, tính phát triển học tập toàn diện và tính quốc tế.

Trong cấu trúc chương trình ĐH tại Mỹ, phần kiến thức nền tảng chiếm một tỉ lệ khá cao (kiến thức đại cương và kiến thức cơ sở ngành chiếm 50% khối lượng chương trình), các phần về ngành nghề chiếm tỉ lệ thấp hơn (35%), còn lại là các phần kiến thức về khoa học xã hội, nhân văn (15%). CTĐT của các trường ở Mỹ thường kéo dài 4 năm, với 2 học kỳ chính trong năm.

Kiến thức chọn tự do là một đặc điểm nổi trội, tạo nên nét độc đáo trong các chương trình của Mỹ. Sinh viên được chọn tới 1/3 số các môn học, bao gồm cả các môn không thuộc lĩnh vực đào tạo nếu được sự chấp thuận của cố vấn học tập, từ các môn nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, truyền thông, luật, giáo dục hay chính trị, tùy theo sở thích và tính cách của sinh viên.

Sinh viên có thể học 2 chuyên ngành cùng lúc, ví dụ như học ngành QTKD, chuyên ngành marketing và chuyên ngành tài chính. Sinh viên cũng có thể chọn học

⁸Các trường: University of Pennsylvania, University of Florida, University of Oklahoma, University of San Francisco, University of San Francisco, University of Baltimore

kết hợp bằng đôi với các ngành khoa học - kỹ thuật khác, hoặc chọn đi học nước ngoài hay làm luận văn ở năm 3 và 4.

Đa số các lớp học nhỏ, ít người. Các trường chú trọng tính đa dạng trong lớp học, ví dụ như sinh viên đến từ nhiều vùng miền, cũng như nước khác nhau. Phương pháp giảng dạy đa dạng và chú trọng nhiều vào kỹ năng giải quyết vấn đề, sử dụng các phương pháp như case-studies, thảo luận, làm việc nhóm, workshop, làm dự án, mô phỏng, và các bài giảng truyền thống. Đa số các trường sử dụng cách đánh giá kết quả học của sinh viên suốt trong quá trình học tập thông qua nhiều hình thức khác nhau. Thư viện luôn được các trường đầu tư đúng mức, đặc biệt thư viện điện tử, cho phép sinh viên tra cứu tài liệu từ các tạp chí trên thế giới mà không cần đến trường.

Hơn thế nữa, các trường đẩy mạnh thành lập các trung tâm hỗ trợ sinh viên, như trung tâm đào tạo kỹ năng giao tiếp, trung tâm việc làm hay thành lập doanh nghiệp; đẩy mạnh sự kết nối với cộng đồng doanh nghiệp địa phương.

So sánh với các trường châu Á⁹

Các CTĐT của Nhật Bản đề cao khả năng nghiên cứu của sinh viên. Ngược lại trường ĐH Công Nghệ Nanyang (NTU-Singapore) lại đề cao khả năng làm việc thực tiễn của sinh viên. Trong quá trình học tập, sinh viên sẽ có cơ hội được làm việc trong các công ty, tổ chức xã hội, tham gia các dự án để có kinh nghiệm làm việc thực tế ngay còn khi ngồi trên ghế nhà trường. Các trường còn lại như ĐH Quốc gia Singapore (NUS) thì đề cao cả khả năng học thuật (chương trình cử nhân danh dự) lẫn khả năng ứng dụng kiến thức của sinh viên (chương trình cử nhân thông thường). Trường Đại học Kaist có quan điểm đào tạo rất linh hoạt, sinh viên có thể tự do theo hướng nghiên

cứu lý thuyết để có thể học tiếp lên nghiên cứu sinh hoặc theo hướng ứng dụng lý thuyết vào thực tế. Các trường Thái Lan có quan điểm đào tạo khá chung chung.

Mục tiêu của các CTĐT ở Châu Á đào tạo cho sinh viên cả nền tảng lý thuyết lẫn thực tế liên quan đến quản trị nhằm giúp cho sinh viên trở thành nhà quản trị tương lai có đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có suy nghĩ sáng tạo, có kỹ năng giải quyết tốt các vấn đề trong môi trường kinh doanh luôn biến đổi.

CTĐT bao gồm bốn khối kiến thức: kiến thức đại cương (general basic course), kiến thức cơ sở ngành (business core course), kiến thức ngành (major courses), kiến thức chuyên ngành (minor courses). Như vậy, xét về mặt kết cấu thì CTĐT của các nước châu Á tương tự như chương trình đào tạo của các trường ở nước ta.

Đa số các trường đều có khối lượng kiến thức cơ sở ngành nhiều hơn chúng ta. Khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành của trường ĐH Mở TP.HCM khá tương đồng so với các trường ĐH ở Thái Lan, Nhật, Hàn Quốc; trong khi khối lượng kiến thức này ở các trường ở Singapore thì chỉ bằng khoảng 1/2. Đặc biệt, CTĐT của các nước có tỉ lệ các môn tự chọn cao gấp rưỡi so với chúng ta. Ở các nước Singapore, Thái Lan có sự phân hóa rất rõ giữa các chuyên ngành. Ngoài ra, CTĐT các nước còn cho phép sinh viên học cùng lúc nhiều chuyên ngành trong ngành QTKD (chỉ cần học thêm khoảng 10 tín chỉ).

Trừ các trường ĐH ở Singapore có thời gian học là 3 năm, các trường còn lại ở Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản đều có thời gian học là 4 năm. Số tín chỉ các môn học trong các trường chênh lệch trong khoảng 120 – 145 tín chỉ.

Phương pháp giảng dạy chủ đạo ở

⁹National University of Singapore, Nanyang Technology University, Tohoku University, Osaka University, Keio University, University of Seoul, Kaist University, Chulalongkorn University, Thammasat University, Ramkhamhaeng University

các trường là giảng lý thuyết (lecture) và hướng dẫn (tutorial) kết hợp với thảo luận nhóm, seminar, thuyết trình, viết luận, làm đồ án môn học cá nhân và đồ án môn học theo nhóm.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CTĐT THEO HƯỚNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Hướng tiếp cận đổi mới CTĐT

Để đổi mới CTĐT, điều trước tiên phải làm là đổi mới tư duy về việc thiết kế chương trình, lấy sinh viên làm trung tâm, các môn học cần được thiết kế nhằm đào tạo ra các sinh viên đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình học quan tâm đến việc rèn luyện các kỹ năng quan trọng của thời đại kiến thức và thông tin bùng nổ, cách thức giải quyết vấn đề, cách làm việc nhóm, cách ứng xử, phẩm chất lao động, tinh thần trách nhiệm, nhân cách... để giúp sinh viên chuẩn bị vào đời.

Chương trình cần phát huy được tính tích cực, chủ động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Do vậy việc bố trí và sắp xếp thời gian lên lớp, thời gian tự học, tự nghiên cứu, thời gian làm bài tập và tham gia nhóm, tham quan và thâm nhập thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hết sức quan trọng. Do đó cách tiếp cận phát triển được xem là phù hợp nhất để đạt được những yêu cầu này.

Thiết kế chương trình hội nhập với quốc tế

Việc thiết kế chương trình cần được cải thiện theo các hướng như: tăng các môn về khoa học xã hội trong khối kiến thức đại cương, tăng cường đào tạo theo ngành rộng, tăng tính liên thông giữa các ngành, tăng tính linh hoạt của chương trình, tăng tính thực tiễn của chương trình, tạo nét độc đáo cho chương trình.

Đào tạo đội ngũ thiết kế chương trình

Đội ngũ giảng viên, chuyên gia thiết kế chương trình là một yếu tố quan trọng

để tạo ra được một chương trình tốt. Cần có kế hoạch đào tạo chuyên gia nghiên cứu giáo dục, biên soạn chương trình. Trước mắt có thể mời các chuyên gia quốc tế cộng tác cùng tham gia biên soạn chương trình.

Nâng cao năng lực giảng viên

Cần phải làm một cuộc đổi mới tư duy triệt để trong giáo dục, đặc biệt trong chiến lược xây dựng đội ngũ giảng viên ĐH. Nhà trường cần có kế hoạch đào tạo dài hạn, trao đổi giảng viên với các trường nước ngoài, tập huấn ngắn hạn về biên soạn tài liệu, thực hiện nghiên cứu.

Đổi mới phương pháp giảng dạy

Để đổi mới phương pháp giảng dạy, trước hết cần đổi mới tư tưởng giáo dục, lấy sinh viên làm trung tâm trong quá trình dạy học, nhằm phát huy tính tích cực, chủ động trong học tập và nghiên cứu. Giảng viên và sinh viên cần có nhiều trao đổi, sinh viên cần tăng cường học nhóm. Đẩy mạnh việc áp dụng các phương pháp tiên tiến như phương pháp nêu vấn đề (problem-based), phương pháp tình huống (case-study).

Tổ chức đào tạo

Có thể tiến hành tổ chức 3 học kỳ trong năm học để tăng tính linh hoạt và cho sinh viên nhiều cơ hội thực hiện kế hoạch học tập của mình một cách chủ động. Tổ chức đào tạo theo hướng thực tiễn, với các kỳ thực tập, tham quan doanh nghiệp, báo cáo viên tới từ doanh nghiệp...

Cho phép sinh viên có quyền lựa chọn thầy dạy và môn học để tạo động lực phấn đấu trong đội ngũ giảng viên. Đồng thời, cần tăng cường số lượng giảng viên cơ hữu, đảm bảo mỗi môn có từ 2 giảng viên trở lên. Tổ chức đánh giá thường xuyên sinh viên trong suốt quá trình học, từ thái độ đến kết quả học ở trên lớp, chuẩn bị nội dung thảo luận, và sau cùng là kết quả thi hết môn.

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Đánh giá kết quả học tập cần được thực hiện thông qua nhiều phương pháp khác nhau như: trắc nghiệm, viết luận, làm bài tập, khảo sát thực tế, thảo luận, thuyết trình... Tại trường ĐH Mở TP.HCM, hiện tại kỳ thi cuối kỳ chiếm đến 60% - 70% điểm số của sinh viên. Theo nhóm nghiên cứu, điểm thi cuối kỳ chỉ nên chiếm 30 - 40%.

Công tác cố vấn học tập

Nhà trường cần làm tốt công tác cố vấn học tập, huấn luyện đội ngũ cố vấn học tập hiểu biết về chương trình và chuyên môn đào tạo. Đặc biệt, mô hình lấy lực lượng cố vấn học tập là các sinh viên đàn anh để kèm cặp, giúp đỡ học tập cho các sinh viên lớp dưới là mô hình mà các trường nước ngoài đang thực hiện, có thể nghiên cứu áp dụng tại Trường ĐH Mở TP.HCM.

Tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp

Cần tăng cường quan hệ với các doanh nghiệp thông qua các hình thức như: tham gia góp ý cho CTĐT, mời các chuyên gia báo cáo chuyên đề, tổ chức tham quan thực tế, hướng dẫn sinh viên thực tập, hướng dẫn luận văn, mở rộng địa bàn thực tập..., giúp cho sinh viên làm quen với các công việc thực tế ở doanh nghiệp. Những việc làm đó giúp thực tiễn hóa bài giảng ở trường, gắn kết với thị trường lao động, mở rộng cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên...

Kiểm định chất lượng giáo dục

Trước tiên cần nghiên cứu cơ chế kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo, từ đó công khai chất lượng đào tạo, thay đổi cách kiểm tra, đánh giá. Đây là một trong những biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng đào tạo trong trường. Nhà trường cũng cần quan tâm đến sản phẩm đào tạo, tổ chức rà soát lại sản phẩm đào tạo, đánh giá tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Một số giải pháp khác

Nghiên cứu một số giải pháp khác như: liên kết đào tạo, tạo ra một môi trường giáo dục quốc tế, tiến tới ngang tầm khu vực và đạt trình độ thế giới có thể xem là các giải pháp tốt trong bối cảnh hiện nay.

5. KẾT LUẬN

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân tích CTĐT ngành QTKD của 27 trường ĐH tại TP.HCM để nhận thấy một số xu hướng chính yếu trong việc thiết kế CTĐT tại các trường, đó là xu hướng đi sâu vào một số chuyên ngành cụ thể. Khả năng thích ứng của CTĐT QTKD đối với các nhu cầu xã hội còn hạn chế, mối quan hệ giữa trường ĐH và thị trường lao động còn yếu, CTĐT và phương pháp giảng dạy chưa cập nhật. So sánh với 30 CTĐT của các nước bao gồm 5 chương trình của Úc, 5 chương trình của Mỹ, 10 chương trình của các nước châu Âu, và 10 chương trình của các nước châu Á, có thể nhận thấy chương trình của chúng ta còn hạn chế về việc cung cấp các kiến thức xã hội tổng hợp, chưa linh hoạt với nhiều sự lựa chọn dành cho sinh viên, còn nhiều môn học lý thuyết và thiếu tính thực tiễn. Đồng thời đề tài cũng tiến hành thu thập ý kiến của gần 1000 sinh viên tại 9 trường ĐH tại TP.HCM để đánh giá về chương trình QTKD. Từ đó cho thấy việc đổi mới CTĐT, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, đổi mới phương pháp và cách thức dạy – học, cũng như việc tổ chức đánh giá kết quả học tập của sinh viên... được xem là những biện pháp cơ bản để cải thiện chất lượng chương trình QTKD của các trường nói chung cũng như Trường ĐH Mở TP.HCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Kinh tế tri thức và phát triển chương trình đào tạo ĐH hiện đại.* Trần Khánh Đức. Khoa Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tạp chí

- Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 23 (2007) 135-147.
2. *Đảm bảo chất lượng giáo dục ĐH: Sự vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam*. TS. Phạm Xuân Thanh, Trưởng Phòng Kiểm định chất lượng giáo dục, Cục Khảo thí và Kiểm định CLGD, Bộ GD-ĐT.
 3. *Giáo dục ĐH ở Việt Nam: Nhìn từ thị trường lao động*. Phạm Thị Huyền, Đại học Kinh tế quốc dân. Nghiên cứu viên, Diễn đàn Phát triển Việt Nam.
 4. *Sổ tay hướng dẫn thực hành: Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng các trường ĐH trong mạng lưới Asean*. (Asean University Network Quality – Assurance: Manual for the Implementation of the Guidelines). 2006.
 5. *Kiểm định chương trình đào tạo ở Việt Nam*. PGS.TS. Ngô Doãn Đãi, Đại học Quốc gia Hà Nội. Báo cáo trình bày tại Hội thảo “Kiểm định, đánh giá và quản lý chất lượng đào tạo ĐH” của Trường ĐHKHXH&NV – ĐHQGHN, tổ chức ngày 16/8/2008.
 6. *A Roadmap to Quality: Handbook for Quality Assurance in Higher Education. Volume 1: Guidelines for Self Assessment at Program Level*
 7. *Professional Standards Accreditation of Teacher Preparation Institutions*. National Council for Accreditation of Teacher Education. 2008.
 8. *Sổ tay Phát triển CTĐT có sự tham gia*. Đặng Đình Bôi, 2006.
 9. *Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*. Đại học Quốc gia Hà Nội. 2006
 10. Các CTĐT QTKD của các Trường ĐH tại TP.HCM (đăng tải trên trang web của các trường)
 11. Một số CTĐT QTKD của các Trường ĐH ở Úc, châu Âu, Mỹ, châu Á (đăng tải trên trang web của các trường)
 12. *Giáo dục suốt đời theo quan điểm Marketing*. Iveta Simberova. 2006.
 13. *Đề tài NCKH cấp trường Đánh giá sự đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp ngành quản trị kinh doanh đối với nhu cầu của các doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh*. Trịnh Thùy Anh 2009.